

Bản án số: 07/2018/LĐ-PT

Ngày: 06 - 6 - 2018

V/v Đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Chung Văn Kết

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 10/2018/LĐ-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐPT-LĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Ngọc B - sinh năm: 1970 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số nhà 338/9C, đường Q, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng P – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần cấp nước C

Trụ sở: Số 204, đường Q, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Hoàng V, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Số nhà 45/5B, đường L, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2017 được sửa đổi, bổ sung vào các ngày 01/8/2017, 07/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, lời trình bày tại phiên tòa: Ông Phan Ngọc B được nhận vào làm việc tại Công ty cấp nước Minh Hải, nay là Công ty cổ phần cấp nước C từ ngày 01/01/1990 theo hợp đồng lao động. Ông đã làm việc tại Công ty từ năm 1990 cho đến ngày bị Công ty cho thôi việc. Ngày 17/5/2016 ông đã bị đơn phương chấm dứt hợp đồng

lao động trái luật. Tuy nhiên, Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước C, ban hành Quyết định số 156/QĐ- CTN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 27/7/2016.

Việc Công ty đơn phương chấm dứt lao động với ông đã xâm phạm quyền lợi của ông nên ông yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 156/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông.

- Nhận ông Phan Ngọc B trở lại làm việc.

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 27/3/2018 bằng số tiền 126.160.000 đồng.

- Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 12.616.000 đồng.

- Tiền ăn giữa ca là 14.960.000 đồng;

- Tiền thưởng Lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng;

- Tiền thưởng 12.616.000 đồng;

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 4.731.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng;

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng;

- Chi phí khác 2.000.000 đồng;

Tổng cộng là 220.282.600.đồng.

- Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận lại làm việc tại Công ty.

Tại các lời khai của người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện: Căn cứ vào Phương án sử dụng lao động, sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 156/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Phan Ngọc B.

Công ty thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Phan Ngọc B là đúng theo quy định của pháp luật và quyền lợi của ông B đã được Công ty giải quyết đúng theo chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Do đó, Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phan Ngọc B. Đối với phần tiền ăn giữa ca do ông B được chuyển về phòng tổ chức hành chánh chờ giải quyết chế độ, không làm việc nên không được hưởng tiền ăn giữa ca.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 10/2018/LĐ-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 22, 36, 44, 46 và Điều 208 của Bộ luật Lao động năm 2012; Căn cứ vào các Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc B đối với Công ty cổ phần cấp nước C về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 156/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động, nhận ông Phan Ngọc B trở lại làm việc;

- Truy trả tiền lương trong thời gian không làm việc tính từ 27/7/2016 cho đến ngày 27/03/2018 với mức lương 3.917.500đ/tháng = 126.160.000đ;
- Chi trả 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng trái luật là: 12.616.000đ;
- Tiền ăn giữa ca tính từ 27/7/2016 cho đến ngày 27/03/2018 là 14.960.000đ;
- Tiền thưởng lễ 30/4, 1/5 và nghỉ tết là 4.000.000đ;
- Tiền thưởng 12.616.000đ;
- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 4.731.00đ;
- Bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền là 33.200.000đ;
- Trả chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là 10.000.000đ.
- Chi phí khác: mượn in ấn đơn, chi phí đi lại yêu cầu là 2.000.000đ.
- Buộc Công ty tiếp tục trả lương và các chế độ khác tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty nhận trở lại làm việc. Truy đóng các loại bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2016 cho đến khi Công ty nhận trở lại làm việc.

Ngày 06/4/2018 ông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn tranh luận: Công ty điều động ông B sang phòng tổ chức hành chính và cho nghỉ việc nhưng không báo trước cho ông B biết là không đúng theo Điều 32 và Điều 38 Bộ luật lao động, Công ty cho người lao động nghỉ việc không xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh C là vi phạm Điều 48 Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Doanh nghiệp, không trao đổi ý kiến với Ban chấp hành Công Đoàn là vi phạm Điều 44, 46 Bộ luật lao động, Điều 13 Nghị định số 05 của Chính phủ. Tranh chấp của ông B với Công ty là tranh chấp tập thể lao động nên Công ty đã vi phạm Điều 208 Bộ luật lao động.

Phía bị đơn tranh luận: Việc Công ty cho ông B thôi việc là đúng theo quy định của pháp luật, các trình tự cổ phần hóa đã thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh C và đã được thông qua đại hội đồng cổ đông của Công ty. Do đó, Công ty không vi phạm Điều 48 Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Doanh nghiệp và không vi phạm Luật doanh nghiệp, Công ty chấm dứt hợp đồng với ông B thuộc trường hợp đổi cơ cấu tổ chức và sắp xếp lại lao động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công ty không vi phạm khoản 3 Điều 44 của Bộ luật lao động vì khi thực hiện phương án tái cơ cấu, xây dựng phương án sử dụng lao động đều có Ban chấp hành Công đoàn tham gia và ký tên, đóng dấu của tổ chức Công đoàn, việc ký tên đóng dấu là thực hiện theo mẫu còn việc trao đổi thống nhất cho người lao động nghỉ việc đã trao đổi vào ngày 09/5/2016 với tổ chức Công đoàn. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông B không thuộc trường hợp chuyển người lao động làm công việc khác nên không cần phải báo trước. Tranh chấp giữa ông B với Công ty là tranh chấp lao động cá nhân chứ không phải tranh chấp lao động tập thể nên không vi phạm Điều 208 của Bộ luật lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau với nội dung chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Ngọc B, hủy Quyết định số 156/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 của Công ty, buộc Công ty nhận ông B trở lại làm việc, buộc Công ty phải thanh toán chế độ tiền lương, bồi thường cho ông B và đóng các khoản bảo hiểm theo quy định. Không chấp nhận các yêu cầu về tiền ăn giữa ca, tiền thưởng Lễ - Tết, tiền nghỉ phép năm. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu về tiền thưởng; chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; chi phí khác; tiền tổn thất tinh thần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông B theo hình thức là “Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động” theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ Luật lao động. Để chấm dứt hợp đồng lao động với ông B Công ty phải thực hiện các trình tự theo quy định tại Điều 44 và Điều 46 Bộ luật lao động và Công ty phải chứng minh được việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[2] Vấn đề thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động của Công ty: Tài liệu hồ sơ thể hiện Công ty có tổ chức lại lao động vì trước khi tái cơ cấu tổ chức lại lao động thì Công ty có tổng số lao động là 267 người, sau khi tổ chức lại lao động thì Công ty hoạt động có hiệu quả và chỉ sử dụng số lao động là 240 người, không phát sinh thêm bất cứ bộ phận mới hay người lao động mới nào, chỉ thay đổi tên của các phòng ban và bố trí lại lao động cho phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty. Điều này chứng minh được Công ty có thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[3] Về việc tuân thủ theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật lao động thấy rằng: Ngày 09/5/2016 Công ty đã phối hợp với Ban chấp hành công đoàn để trao đổi phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, cùng ngày Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua phương án này. Ngày 12/5/2016 HĐQT ban hành nghị quyết 05 thông qua phương án. Trong phương án được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 05 tại trang 17 có nội dung: “*Bước 2: Xây dựng phương án sử dụng lao động. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty*”.

[4] Theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động quy định “*Việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo quy định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động...*”, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động quy định “*Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở*”.

Xét thời điểm xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức chưa có danh sách của những người bị chấm dứt hợp đồng lao động (ngày 09/5/2016). Tuy nhiên, ngày 16/5/2016 Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng phòng tổ chức làm việc với trưởng bộ phận, đơn vị trực thuộc chốt lại danh sách người lao động tiếp tục sử dụng sau khi tái cơ cấu (BL 93) không có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động. Như vậy, khi xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy thì Công ty

thực hiện trình tự chặt chẽ là có họp ban chấp hành Công đoàn vào ngày 09/5/2016 để thông qua phương án. Tuy nhiên, đến bước quan trọng là xây dựng phương án sử dụng lao động thì không có tài liệu nào thể hiện là Công ty trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

Thực tế khi kết thúc cuộc họp ngày 16/5/2016 (BL 93) thì ngày 17/5/2016 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 06. Trong thời gian này không có tài liệu thể hiện việc trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn là không đúng với Nghị quyết số 05 và không tuân thủ theo khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động.

[5] Mặc dù trong phương án và các danh sách chấm dứt hợp đồng lao động có chữ ký của bà Thẩm và đóng dấu của Ban chấp hành Công đoàn nhưng không có bất cứ biên bản nào thể hiện khi xây dựng phương án sử dụng lao động có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn. Tại biên bản làm việc ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với Ban chấp hành Công đoàn của Công ty thì những thành viên của Ban chấp hành Công đoàn đều thể hiện quan điểm là khi xây dựng phương án sử dụng lao động, Công ty không mời Ban chấp hành Công đoàn tham gia.

Tại phiên tòa, phía Công ty cho rằng khi họp lãnh đạo và các trưởng bộ phận phòng ban xong vào ngày 16/5/2016 thì Công ty có đưa danh sách cho bà Thẩm ký tên, việc bà Thẩm ký danh sách chấm dứt hợp đồng lao động là đã thể hiện Công ty có trao đổi với Ban chấp hành Công ty. Như vậy, điều này thể hiện là mọi việc do Ban lãnh đạo của Công ty quyết định, việc bà Thẩm ký tên chỉ là hình thức, không thể hiện được ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Đây là trách nhiệm của Công ty trong việc phối hợp với Ban chấp hành công đoàn nhưng Công ty không thực hiện là vi phạm khoản 5 Điều 192 Bộ luật lao động. Do đó, Công ty chưa thể cho thôi việc đối với nhiều người mà chưa trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

[6] Quyết định số 156/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 được ban hành không đúng trình tự thủ tục như nhận định nêu trên nên Công ty chưa thể chấm dứt hợp đồng lao động với ông B, cần chấp nhận kháng cáo của ông B về việc hủy Quyết định này và buộc Công ty phải nhận ông B trở lại làm việc.

Do chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 156/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 nên Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải trả cho ông B các khoản sau đây:

Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc: Ông B yêu cầu được tính tiền lương từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm, mức lương ông yêu cầu theo hợp đồng lao động nhân với mức lương tối thiểu vùng từng thời điểm do Nghị định của Chính phủ ban hành. Phía Công ty không chấp nhận yêu cầu này của ông B, do ông B là nhân viên phòng kỹ thuật, thực hiện công việc theo hình thức khoán. Tại phiên tòa phía đại diện Công ty không nêu được cách thức chi trả lương cho ông B cụ thể như thế nào nhưng Công ty thừa nhận hệ số lương để đóng bảo hiểm cho ông B là 1,9. Do đó, căn cứ vào hệ số lương của Công ty đóng bảo

hiểm cho ông B là 1,9 để tính mức lương buộc Công ty thanh toán cho ông B, cụ thể số tiền lương như sau:

- Từ ngày 28/7/2016 đến 30/12/2016 là 05 tháng 03 ngày x 1,9 x 3.100.000 = 30.250.000 đồng.

- Từ ngày 01/01/2017 đến 30/12/2017 là 12 tháng x 1,9 x 3.320.000 = 75.696.000 đồng.

- Từ ngày 01/2018 đến 06/6/2018 là 05 tháng 06 ngày x 1,9 x 3.530.000 = 35.364.000 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho ông B bằng 02 tháng tiền lương (Tại thời điểm xét xử phúc thẩm theo mức lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu vùng) là 3.530.000 đồng/tháng x 02 tháng x 1,9 = 13.414.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho ông B từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Ông B có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Đối với tiền ăn giữa ca là 14.960.000 đồng; Tiền thưởng Lễ 30/4- 01/5 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng. Giữa người lao động và người sử dụng lao động không thỏa thuận trong hợp đồng và theo Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 có quy định không tính tiền lương là tiền ăn giữa ca, tiền thưởng nên không chấp nhận yêu cầu này của ông B.

Đối với tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 4.731.000 đồng. Do buộc Công ty nhận ông B trở lại làm việc nên ông B có quyền thỏa thuận với Công ty để được nghỉ phép năm theo quy định.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông B đối với các khoản tiền tổn thất tinh thần, chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chi phí khác, tiền thưởng do ông B rút yêu cầu.

Tổng cộng các khoản ông B yêu cầu được chấp nhận là 154.724.000 đồng.

Đối với số tiền trợ cấp thôi việc hiện ông B chưa nhận nên không xem xét đối trừ. Công ty tự thực hiện thủ tục để nhận lại số tiền này.

[4] Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm ông B không phải nộp, quá trình giải quyết ông được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần cấp nước C phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu rút một phần kháng cáo của ông Phan Ngọc B về tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng; Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng; Chi phí khác 2.000.000 đồng, Tiền thưởng 12.616.000 đồng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Ngọc B.

Sửa bản án sơ thẩm số 10/2018/LĐ-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ vào các Điều 22, 31, 36, 42, 44, 46 và Điều 208 Bộ luật lao động; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc B đối với Công ty cổ phần cấp nước C:

- Hủy Quyết định số 156/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh và buộc Công ty cổ phần cấp nước C nhận ông Phan Ngọc B trở lại làm việc.

- Buộc Công ty cổ phần cấp nước C thanh toán cho ông Phan Ngọc B tổng số tiền là 154.724.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Công ty cổ phần cấp nước C phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Ông B có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm khác cho ông Phan Ngọc B từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi nhận ông Phan Ngọc B trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B đối với các khoản sau:

- Tiền ăn giữa ca là 14.960.000 đồng;
- Tiền thưởng lễ 30/4- 01/5 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng;
- Tiền nghỉ phép năm là 4.731.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm về lao động: Ông Phan Ngọc B không phải nộp, đã được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần cấp nước C phải chịu án phí sơ thẩm là 4.641.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà